TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN TÁNH LINH
TỈNH BÌNH THUẬN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 13/2019/HNGĐ-ST.
Ngày: 25/4/2019.
V/v: *"Ly hôn, tranh chấp về nuôi con".*

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TÁNH LINH
TỈNH BÌNH THUẬN

Thành phần hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Ông Hạ Hải Hồ.

Các Hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Lắm.

2. Bà Bùi Thị Luyến.

Thư ký phiên tòa: Bà Nguyễn Thị Thu Phương - Thư ký Tòa án.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tánh Linh tham gia phiên tòa: Bà Dương Thị Thư – Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 4 năm 2019, tại Hội trường xử án Tòa án nhân dân huyện Tánh Linh, xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số: 400/2018/TLST-HNGĐ, ngày 28/12/2018, về việc: "*Ly hôn, tranh chấp về nuôi con*". Theo quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 09/2019/QĐXX-ST, ngày 08 tháng 3 năm 2019 và Thông báo thời gian mở lại phiên Tòa số 08/TB-TA, ngày 09 tháng 4 năm 2019, giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Chị Huỳnh Thị T, sinh năm 1986;

Trú tại: Thôn 3, xã Đ, huyện T, tỉnh B. Vắng mặt (Có đơn xin xét xử vắng mặt).

2. Bị đơn: Anh Châu Ngọc Minh H, sinh năm 1983;

Trú tại: Thôn 3, xã Đ, huyện T, tỉnh B. Vắng mặt.

3. Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan:

- Em Châu Ngọc Minh N, sinh năm 2007. Vắng mặt.

- Em Châu Thị Ngọc T, sinh năm 2008. Vắng mặt.

Cùng trú tại: Thôn 3, xã Đ, huyện T, tỉnh B.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Nguyên đơn - chị Huỳnh Thị T yêu cầu:

Về quan hệ hôn nhân: Chị T và anh H tự nguyện đi đến hôn nhân và đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ vào năm 2006. Sau khi kết hôn, vợ chồng chị T chung sống hạnh

phúc. Thời gian gần đây, giữa vợ chồng chị thường xuyên xảy ra mâu thuẫn. Anh H không có thái độ tôn trọng chị T, thường chửi bới, xúc phạm chị T. Năm 2018, chị T đã làm đơn ly hôn nhưng vì các con còn nhỏ nên chị đã rút đơn về sống với anh H. Thời gian sau đó, anh H vẫn không thay đổi mà còn nhục mạ, xem thường chị T mỗi khi uống rượu say xỉn. Do đó, chị T đã về nhà mẹ ruột sống và không ở chung với anh H nữa. Hiện nay, chị T không còn tình cảm với anh H, chị T không mong muốn được hòa giải đoàn tụ mà yêu cầu Tòa án giải quyết cho chị T sớm được ly hôn với anh H. Chị T do bận công việc ở xa nên không có điều kiện tham gia phiên Tòa mà xin được xét xử vắng mặt.

Về con chung: Trong thời gian chung sống, chị T và anh H có 03 người con chung tên: Châu Ngọc Minh N, sinh năm 2007; Châu Thị Ngọc T, sinh năm 2008 và Châu Thị Ngọc T, sinh năm 2017. Hiện nay, cháu N và cháu T đang sống với anh H còn cháu T đang sống với chị T. Khi ly hôn, chị T yêu cầu được quyền nuôi cháu T cho đến khi thành niên và không yêu cầu anh H cấp dưỡng nuôi con. Chị T đồng ý để anh H tiếp tục nuôi dưỡng cháu N và cháu T.

Về tài sản chung và nợ chung: Chị T không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tài liệu, chứng cứ chị T cung cấp: Giấy đăng ký kết hôn bản sao, 03 giấy trích lục khai sinh con chung, bản sao chứng minh nhân dân, sổ hộ khẩu và bản tự khai.

Bị đơn - anh Châu Ngọc Minh H trình bày ý kiến đối với yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn:

Về quan hệ hôn nhân: Anh H và chị T kết hôn năm 2006, làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ. Sau khi kết hôn, vợ chồng anh H ra ở riêng và trong thời gian chung sống đôi lúc có xảy ra mâu thuẫn. Anh và chị T có cải vã nhau vì mỗi người đều có suy nghĩ riêng và cái tôi quá lớn, không có sự đồng cảm với nhau. Anh H cho rằng mâu thuẫn giữa anh và chị T có thể khắc phục được chứ không nghiêm trọng đến mức phải ly hôn. Hiện tại anh H còn tình cảm yêu thương vợ con và các con của anh, chị đều còn nhỏ nên anh H không muốn ly hôn. Tuy nhiên, từ sau khi Tòa án hòa giải giữa anh H và chị T cho đến nay thì hai bên vẫn không có tiếng nói chung, chị T vẫn cương quyết ly hôn nên anh H đồng ý ly hôn với chị T vì có về sống cũng không hạnh phúc.

Về con chung: Trong thời gian chung sống, anh H và chị T có 03 người con chung tên Châu Ngọc Minh N, sinh năm 2007; Châu Thị Ngọc T, sinh năm 2008 và Châu Thị Ngọc T, sinh năm 2017. Hiện nay, cháu N và cháu T đang sống với anh H còn cháu T đang sống với chị T. Khi ly hôn, anh H yêu cầu được quyền nuôi cả 03 người con chung và không yêu cầu chị T phải cấp dưỡng nuôi các con.

Về tài sản chung và nợ chung: Anh H không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Anh H cung cấp tại liệu, chứng cứ: Bản sao giấy phép lái xe, sổ hộ khẩu, chứng minh nhân dân và bản tự khai.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – em Châu Ngọc Minh N trình bày ý kiến:

Em N là con của chị Huỳnh Thị T và anh Châu Ngọc Minh H. Trường hợp chị T và anh H không chung sống với nhau nữa thì em N có nguyện vọng được ở với anh H.

Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan – em Châu Thị Ngọc T trình bày ý kiến:

Em T là con của chị Huỳnh Thị T và anh Châu Ngọc Minh H. Trường hợp chị T và anh H không chung sống với nhau nữa thì em T có nguyện vọng được ở với chị T.

Trong phần tranh luận, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tánh Linh phát biểu ý kiến:

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã tuân theo đúng các quy định về pháp luật tố tụng dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử, thư ký: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, thư ký phiên Tòa đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm và đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử.

- Việc chấp hành pháp luật của các đương sự trong vụ án: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay, các đương sự đã thực hiện đúng các quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về quyền và nghĩa vụ của đương sự. Riêng bị đơn, anh Châu Ngọc Minh H không thực hiện quyền và nghĩa vụ theo quy định tại Điều 70 và 71 Bộ luật dân sự tố tụng dân sự.

- Về quan điểm giải quyết vụ án: Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ khoản 1 Điều 28, khoản 1 Điều 35, Điều 146, 147, 203 Bộ luật tố tụng dân sự; Các Điều 56, 81, 82, 83 Luật Hôn nhân gia đình; Nghị quyết về án phí, lệ phí Tòa án: Xử cho chị T được ly hôn với anh H; đề nghị giao cháu N và cháu T cho anh H nuôi dưỡng; giao cháu T cho chị T nuôi dưỡng và buộc chị T phải nộp 300.000 đồng tiền án phí ly hôn sơ thẩm nhưng được trừ vào 300.000đ tạm ứng án phí đã nộp. Chị T đã nộp đủ tiền án phí.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và nghe đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tánh Linh phát biểu ý kiến, quan điểm giải quyết vụ án. Sau khi thảo luận và nghị án, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng: Tại phiên tòa hôm nay, nguyên đơn – chị Huỳnh Thị T và bị đơn – anh Châu Ngọc Minh H đã được triệu tập hợp lệ nhưng đều vắng mặt. Tuy nhiên, trước khi mở phiên Tòa, nguyên đơn – chị T đã nộp đơn xin vắng mặt tại phiên xét xử và bị đơn – anh H đã được triệu tập hợp hợp lệ đến lần thứ hai nhưng vắng mặt không có lý do. Do đó, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt nguyên đơn và bị đơn là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng dân sự năm 2015.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Chị Huỳnh Thị T và anh Châu Ngọc Minh H tự nguyện tìm hiểu và đi đến hôn nhân, có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã Đ vào năm 2006. Sau khi kết hôn, vợ chồng chị T và anh H chung sống hạnh phúc được thời gian đầu thì sau đó nảy sinh mâu thuẫn. Trong đơn xin xét xử vắng mặt tại bút lục số 26, chị T vẫn giữ nguyên yêu cầu được ly hôn với anh H. Trong quá trình làm việc, chị T trình bày nguyên nhân ly hôn là do anh H không có thái độ tôn trọng chị T nên vợ chồng thường cãi vả nhau, cuộc sống không hạnh phúc. Riêng anh H, tuy vắng mặt tại phiên Tòa nhưng theo lời khai có tại các bút lục số 22, 23 và 24 trong hồ sơ, anh H cũng công nhận trong thời gian chung sống, vợ chồng có nảy sinh mâu thuẫn, cãi vả nhau do không có sự đồng cảm, chia sẻ với nhau trong cuộc sống và vợ chồng đã không còn chung sống với nhau từ khoảng tháng 12 năm 2018 đến nay. Thể hiện tại bút lục số 25, anh H xác định trường hợp

chị T đã cương quyết ly hôn thì anh H đồng ý ly hôn với chị T chứ không muốn đoàn tụ chung sống.

Như vậy, trong quá trình chung sống, chị T và anh H có phát sinh mâu thuẫn do vợ chồng bất đồng quan điểm và thiếu sự tôn trọng lẫn nhau, từ đó thiếu sự quan tâm, chăm sóc, chia sẽ lẫn nhau trong cuộc sống. Anh H cũng đồng ý ly hôn với chị T. Hội đồng xét xử nhận thấy hôn nhân giữa chị T và anh H đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài. Vì vậy cần giải quyết cho chị T được ly hôn với anh H theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên Tòa là phù hợp với quy định tại khoản 1 Điều 56 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014.

[3] Về con chung: Trong thời gian chung sống, chị Huỳnh Thị T và anh Châu Ngọc Minh H có 03 người con chung tên Châu Ngọc Minh N, sinh năm 2007; Châu Thị Ngọc T, sinh năm 2008 và Châu Thị Ngọc T, sinh năm 2017. Hiện nay cháu N và cháu T đang sống với anh H, còn cháu T đang sống với chị T. Theo nội dung đơn xin xét xử vắng mặt (bút lục số 26), chị T yêu cầu được quyền nuôi dưỡng cháu T cho đến khi thành niên và đồng ý để anh H được quyền nuôi cháu N và cháu T. Tuy nhiên, về phía bị đơn anh H không đồng ý với yêu cầu của chị T mà có nguyện vọng nuôi cả 03 người con chung và không yêu cầu chị T cấp dưỡng nuôi con.

Xét thấy, nguyện vọng được quyền nuôi con chung của chị T và anh H khi ly hôn đều chính đáng. Tuy nhiên việc giao các con chung cho ai nuôi dưỡng, chăm sóc phải đảm bảo cho các con chung phát triển tốt nhất cả về thể chất lẫn tinh thần. Trên thực tế thì từ khi chị T và anh H ly thân cho đến nay, cháu N và cháu T sống với anh H là chủ yếu; các cháu được anh H chăm sóc, nuôi dưỡng và cho học hành đầy đủ, các cháu phát triển bình thường về thể chất lẫn tinh thần. Riêng đối với cháu T hiện đang sống với chị T; cháu T sinh ngày 24/01/2017, đến thời điểm xét xử ly hôn vẫn chưa đủ 36 tháng tuổi nên cháu cần sự chăm sóc của người mẹ nhiều hơn. Do đó, Hội đồng xét xử xét thấy cần tiếp tục giao cháu N, cháu T cho anh H được trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục cho đến khi thành niên và tiếp tục giao cháu T cho chị T được trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục theo đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên Tòa là phù hợp với quy định tại các Điều 81, 82 và 83 Luật hôn nhân gia đình năm 2014. Chị T và anh H đều không yêu cầu cấp dưỡng nuôi con cho nhau nên Hội đồng xét xử không xét đến.

[4] Về tài sản chung và nợ chung: Chị Huỳnh Thị T và anh Châu Ngọc Minh H không yêu cầu giải quyết nên không xét đến.

[5] Về án phí: Cần buộc chị T phải chịu án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào:

- Khoản 1 Điều 35; các Điều 146, 147, 203, 227 và 228 Bộ luật Tố tụng dân sự;

- Khoản 1 Điều 56; Các Điều 81, 82 và 83 Luật Hôn nhân gia đình năm 2014;

- Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 về án phí, lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

- *Về quan hệ hôn nhân*: Chị Huỳnh Thị T được ly hôn với anh Châu Ngọc Minh H.

- *Về con chung:*

+ Giao cho chị Huỳnh Thị T được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục người con chung tên là Châu Thị Ngọc T, sinh ngày 24/01/2017 cho đến khi thành niên.

+ Giao cho anh Châu Ngọc Minh H được tiếp tục trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng và giáo dục 02 người con chung tên là Châu Ngọc Minh N, sinh ngày 14/01/2007 và Châu Thị Ngọc T, sinh ngày 15/9/2008 cho đến khi thành niên.

Chị T và anh H không phải cấp dưỡng nuôi con cho nhau nhưng được quyền thăm nom, chăm sóc con chung lẫn nhau, không bên nào được cản trở.

- *Về án phí:* Chị Huỳnh Thị T phải nộp 300.000 đồng án phí ly hôn sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền 300.000 đồng tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai số N. 0013049, ngày 28/12/2018 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện T. Chị T đã nộp đủ án phí ly hôn sơ thẩm.

- *Về quyền kháng cáo*: Án xử sơ thẩm. Các đương sự vắng mặt tại phiên Tòa được quyền kháng cáo bản án trong thời hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được Bản án hoặc từ ngày niêm yết Bản án (*Đã giải thích quyền kháng cáo*).

Nơi nhận:
- VKSND huyện T;
- Các đương sự;
- CC THADS huyện T;
- UBND xã Đ;
- Lưu văn phòng, án văn, hồ sơ.

TM.HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Hạ Hải Hồ